

Số: 39 /TCKT-VTS  
V/v: Giải trình kết quả SXKD quý 2  
và 6 tháng đầu năm 2015.

Từ Sơn, ngày 20 tháng 07 năm 2015

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
Ủy ban chứng khoán nhà nước**

- Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ tài hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Công văn số 1124/SGDHN-QLNY ngày 23/06/2015 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc thực hiện công bố thông tin định kỳ của các tổ chức niêm yết.

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2015.

Công ty cổ phần Viglacera Từ Sơn giải trình kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

Tên công ty niêm yết: **Công ty cổ phần Viglacera Từ Sơn**

Tên tiếng anh: Viglacera Tu Son Joint stock Company

Tên viết tắt: VTS

Mã chứng khoán: VTS

Địa chỉ: Phường Đình Bảng – Thị xã Từ Sơn – Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3831496 Fax: 0241.3831210

Website: [www.vtsc.vn](http://www.vtsc.vn) Email: Sales@vtsc.vn

**I. Giải trình kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2015:**

Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ nhằm tăng doanh thu và giảm áp lực hàng tồn kho. Tuy nhiên, do đầu năm 2015 có thời gian nghỉ tết cổ truyền dài, thị trường ngày càng thu hẹp do cạnh tranh với các sản phẩm mới được nhà nước ưu đãi như bê tông khí, vật liệu không nung...; nên doanh thu thuần từ bán sản phẩm Quý 2/2015 chỉ bằng 65,6% so với cùng kỳ; lũy kế 6 tháng/2015 chỉ đạt 67,83% so với cùng kỳ 2014 là nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận Quý 2/2015 chỉ đạt 24,9% so với cùng kỳ 2014. Tuy nhiên lợi nhuận lũy kế 6 tháng/2015 của Công ty vượt 150% so với cùng kỳ 2014. Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực, hạn chế những tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ; tập trung bán hàng thu tiền ngay;
- Tiết giảm tối đa chi phí quản lý và chi phí bán hàng; chi phí chủ yếu là trích lương, chi phí hoạt động thời gian tạm dừng sản xuất và chi trả trợ cấp thôi việc cho CBCNV;
- Tập trung sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm theo đơn đặt hàng có giá trị cao;



- Bố trí sản xuất hợp lý trong điều kiện tiêu thụ vẫn gặp nhiều khó khăn.
- Mở rộng thị trường, tìm kiếm những đối tác lớn, tin cậy nhằm tập trung tiêu thụ sản phẩm tồn kho.
- Vận hành dòng tiền ổn định và linh hoạt; đàm phán với đối tác và Ngân hàng nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay phải trả.
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu đối với một số khách hàng đã thu được tiền.
- Sử dụng tài sản hợp lý nhằm tiết giảm chi phí. Thực hiện thanh lý những tài sản đã hết khấu hao và không hiệu quả trong sử dụng.
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông khí Viglacera 690.168.327 đồng do tỷ lệ lợi ích của Công ty chỉ còn 2% so với vốn điều lệ.
- Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho tại Nhà máy Từ Sơn do đã tiêu thụ hết 1.585.472 viên sản phẩm xấu, giá trị hoàn nhập 608.973.342 đồng.

**Một số những nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Doanh thu sụt giảm chỉ bằng 67,83% so với cùng kỳ 2014 và chỉ bằng 71,24,9% so với kế hoạch 6 tháng/2015.
- Chi phí quản lý chiếm 17,24% so với Doanh thu nguyên nhân chính là do trích lương trong thời gian dừng SX và chi trả trợ cấp thất nghiệp cho NLD (6 tháng đầu năm 2015 Công ty đã chi trả 790.459.300 đồng). Ngoài ra cũng phát sinh một số chi phí: kiểm toán 2014, bảo hiểm tài sản, xác định giá trị DN, ISO...
- Tiếp tục phân bổ chi phí đầu tư dự án bê tông khí chung áp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2014.
- Công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do tình hình chung của nền kinh tế, một số công trình đã và đang phải giãn tiến độ thi công, thị trường thu hẹp do phải cạnh tranh với các sản phẩm mới.
- Chi phí vận chuyển tăng cao do những thay đổi liên quan đến chính sách quản lý nhà nước về tải trọng xe.
- Tiếp tục trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo yêu cầu kế toán hiện hành.

**II. Kế hoạch Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2015:**

**2.1. Quản trị công tác nhập nguyên liệu đầu vào**

- Luôn đảm bảo dự trữ nguyên, nhiên liệu và thành phẩm ở mức hợp lý để đảm bảo chủ động sản xuất, bán hàng và đặc biệt là hiệu quả kinh doanh.
- Tìm đối tác cung cấp nguyên, nhiên liệu có chất lượng ổn định và tập kết khi cần thiết để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tăng giá vật tư đầu vào.

**2.2. Hoạt động sản xuất**

- Bố trí sản xuất hợp lý tập trung tiêu thụ hàng tồn kho và sửa chữa lớn.
- Cơ cấu sản xuất hợp lý trong tình hình tiêu thụ gặp khó khăn, lượng hàng tồn kho ngày càng lớn.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao.

- Rà soát lại định mức tiêu hao vật tư, năng xuất lao động... để có biện pháp phù hợp nhằm giảm giá thành và nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- Khuyến khích áp dụng sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, quản lý và đầu tư theo chiều sâu nhằm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

### 2.3. Công tác tiêu thụ

- Tìm biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho.

- Tiếp tục khai thác những thế mạnh của Công ty về một số sản phẩm, thị trường...

- Tăng cường hoạt động xúc tiến khuyến khích thương hiệu nhằm củng cố vị thế của Công ty trên thị trường và phát triển thị trường mới.

- Hạn chế nợ phải thu bán hàng.

### 2.4. Công tác tài chính

- Có kế hoạch cân đối dòng tiền, chủ động về mặt tài chính.

- Huy động vốn từ nhiều kênh khác nhau và hạn chế bán hàng trả chậm nhằm giảm áp lực và chi phí tài chính.

- Đẩy mạnh thu hồi các công nợ cũ.

- Rà soát lại các chi phí quản lý; xây dựng qui chế khoán cụ thể nhằm tiết giảm tối đa các chi phí bằng tiền; đẩy mạnh các hoạt động tiết kiệm, chống lãng phí phân đầu tiết giảm 5-10% chi phí quản lý; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

### 2.5. Công tác đầu tư

- Tiếp tục triển khai các công việc cụ thể phục vụ công tác di chuyển sản xuất tại Nhà máy Từ Sơn đến vị trí thích hợp theo yêu cầu lộ trình di chuyển của UBND tỉnh Bắc Ninh;

- Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu một số hạng mục khác nhằm tăng năng xuất lao động, cải thiện điều kiện làm việc và tăng năng lực hiệu quả của Công ty.

Vậy Công ty làm công văn kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

-Như kính gửi

-Lưu VT, TCKT





**VIGLACERA**

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TỪ SƠN

*Địa chỉ: Phường Đình Bảng-TX Từ Sơn-Tỉnh Bắc Ninh*

*Điện thoại: 0241.3831496 Fax: 0241.3831210*

*Website: [www.vtsc.vn](http://www.vtsc.vn) Email: [sales@vtsc.vn](mailto:sales@vtsc.vn)*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*

## **VIGLACERA**

*Nội dung:*

- 1- Bảng cân đối kế toán*
- 2- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh*
- 3- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 4- Thuyết minh báo cáo tài chính*

*Từ Sơn, tháng 07 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>36.063.732.930</b>	<b>42.950.023.479</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.000.582.148</b>	<b>5.325.312.491</b>
111 1. Tiền		2.000.582.148	1.325.312.491
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	4.000.000.000
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.731.274.421</b>	<b>13.372.781.755</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.403.175.156	4.669.861.928
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.192.659.593	7.747.632.921
135 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1.022.000.000	1.051.500.000
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.223.827.528	2.269.442.962
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.110.387.856)	(2.365.656.056)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>25.331.876.361</b>	<b>24.171.986.173</b>
141 1. Hàng tồn kho		25.538.359.598	24.987.442.752
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(206.483.237)	(815.456.579)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>79.943.060</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	18.876.000
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	61.067.060
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>28.653.726.406</b>	<b>23.875.427.216</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>20.635.629.985</b>	<b>22.413.201.304</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	20.252.621.720	22.014.872.708
222 - Nguyên giá		74.608.039.938	76.096.301.456
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(54.355.418.218)	(54.081.428.748)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	383.008.265	398.328.596
228 - Nguyên giá		684.909.514	684.909.514
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(301.901.249)	(286.580.918)
<b>240 IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>246.525.573</b>	<b>18.753.102</b>
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		246.525.573	18.753.102
<b>250 V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>6.752.045.751</b>	<b>61.877.424</b>
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.300.000.000	1.300.000.000
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(547.954.249)	(1.238.122.576)
255 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	-
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.019.525.097</b>	<b>1.381.595.386</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.019.525.097	1.381.595.386
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>64.717.459.336</b>	<b>66.825.450.695</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.258.404.765</b>	<b>21.422.825.901</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.258.404.765</b>	<b>21.422.825.901</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.058.862.636	2.937.485.552
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		565.549.323	525.330.200
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	408.257.938	152.609.641
314 4. Phải trả người lao động		32.173.608	1.593.303.837
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	410.941.369	62.201.009
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.557.837.854	2.125.798.365
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	10.289.472.000	12.950.164.260
322 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		935.310.037	1.075.933.037
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>45.459.054.571</b>	<b>45.402.624.794</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>45.459.054.571</b>	<b>45.402.624.794</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.002.050.000	20.002.050.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.002.050.000	20.002.050.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		1.593.954.840	1.593.954.840
414 4. Vốn khác của chủ sở hữu		17.380.958.861	17.380.958.861
415 5. Cổ phiếu quỹ		(2.050.000)	(2.050.000)
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		9.212.585.483	9.212.585.483
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.728.444.613)	(2.784.874.390)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.784.874.390)	(3.517.026.239)
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		56.429.777	732.151.849
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>64.717.459.336</b>	<b>66.825.450.695</b>

Người lập biểu



Trần Hoàng Anh

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Anh

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Chức danh  


Nguyễn Văn Cơ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2/2015	6 tháng đầu năm 2015	Quý 2/2014	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung	20	14.195.279.014	20.606.042.918	21.631.543.596	30.362.242.087
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.195.279.014	20.606.042.918	21.631.543.596	30.362.242.087
11	4. Giá vốn hàng bán	21	11.680.546.926	16.590.747.041	18.399.204.442	25.265.019.564
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.514.732.088	4.015.295.877	3.232.339.154	5.097.222.523
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	77.849.154	97.014.995	90.716.866	153.085.413
22	7. Chi phí tài chính	23	(356.621.461)	(157.897.352)	501.088.277	815.282.961
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		333.546.866	532.270.975	262.755.421	576.950.105
25	8. Chi phí bán hàng	24	492.097.890	738.763.672	138.944.651	568.834.237
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.217.003.043	3.553.550.443	1.998.642.787	3.409.113.195
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		240.101.770	(22.105.891)	684.380.305	457.077.543
31	11. Thu nhập khác	26	(384.969.796)	548.594.521	148.695.546	154.143.676
32	12. Chi phí khác	27	(260.356.646)	470.058.853	378.892.775	573.603.293
40	13. Lợi nhuận khác		(124.613.150)	78.535.668	(230.197.229)	(419.459.617)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.488.620	56.429.777	454.183.076	37.617.926
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		115.488.620	56.429.777	454.183.076	37.617.926
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	58	28	227	19

Người lập biểu



Trần Hoàng Anh

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Anh

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2015



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01 1. Lợi nhuận trước thuế		56.429.777	37.617.926
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.357.809.414	1.449.093.282
03 - Các khoản dự phòng		(1.554.409.869)	116.646.797
04 - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.732.628)	(1.005.052)
05 - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(586.253.090)	103.586.503
06 - Chi phí lãi vay		532.270.975	576.950.105
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(195.885.421)	2.282.889.561
09 - Tăng, giảm các khoản phải thu		7.957.065.969	(3.107.677.936)
10 - Tăng, giảm hàng tồn kho		(550.916.846)	5.478.004.802
11 - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		559.910.546	(4.724.228.626)
12 - Tăng, giảm chi phí trả trước		380.946.289	(666.129.264)
14 - Tiền lãi vay đã trả		(546.187.397)	(653.836.646)
16 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	28.035.000
17 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(140.623.000)	(140.395.000)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.464.310.140	(1.503.338.109)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(227.772.471)	(8.990.000)
22 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		999.900.000	-
23 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.000.000.000)	-
24 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.500.000	2.620.000.000
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.291.620	164.865.580
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.130.080.851)	2.775.875.580
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33 3. Tiền thu đi vay		11.276.918.000	15.441.800.000
34 4. Tiền trả nợ gốc vay		(13.937.610.260)	(14.439.120.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.660.692.260)	1.002.680.000
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(326.462.971)	2.275.217.471



60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.325.312.491	2.907.498.508
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.732.628	1.005.052
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>3</u> <u>5.000.582.148</u>	<u>5.183.721.031</u>

Người lập biểu



Trần Hoàng Anh

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Anh

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Cơ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gốm xây dựng Từ Sơn theo Quyết định số 1729/QĐ-BXD ngày 04 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Đình Bảng - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.002.050.000 VND, tương đương với 2.000.205 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất gạch xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2103000081 ngày 13 tháng 12 năm 2004 và thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 09 năm 2013, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất gạch chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất gạch ngói đất sét nung;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận tải hành khách đường bộ, vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Đại lý du lịch.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Nhà máy Từ Sơn

- Nhà máy Hải Dương

Địa chỉ

Đình Bảng - TX Từ Sơn -  
Bắc Ninh

Cẩm Thương - TP Hải  
Dương

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh gạch, ngói.

Sản xuất, kinh doanh gạch, ngói.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty Cổ phần theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty Cổ phần áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty Cổ phần đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty Cổ phần đã bổ sung thuyết minh Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 34.

## 2.4 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty Cổ phần.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ chưa được loại trừ/hoặc đã được loại trừ.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty Cổ phần bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty Cổ phần mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.9 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty Cổ phần.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

